

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/DS-ST  
Ngày 19-11-2018  
V/v: Tranh chấp hợp đồng  
dân sự góp hụi.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Nghện

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Minh Lý;

Ông Cao Hoài Hiêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thế Sự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị S, sinh năm 1978; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1979; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Tấn V, sinh năm 1979; vắng mặt.

Chị Dương Thị S, chị Nguyễn Thị A và anh Trần Tấn V cùng địa chỉ cư trú: Ấp LV, xã LH, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – chị Dương Thị S trình bày:*

Chị Nguyễn Thị A có tham gia 03 phần hụi gồm 2 dây do chị làm chủ, danh sách hụi ghi tên “Gái”, hụi hưởng hoa hồng. Chị A đã lĩnh tiền trúng hụi

hết 03 phần của 02 dây hụi nhưng không góp đủ hụi chết cho chị, số tiền hụi chết chưa góp đến ngày mãn hụi là 36.000.000 đồng, chị đã góp đủ tiền hụi chết thay cho chị A đến ngày mãn hụi. Cụ thể như sau:

+ Dây 1: Hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, kỳ mở hụi ngày 05-02-2013, kỳ mãn ngày 05-8-2014, gồm 19 phần, 19 thành viên, chị A tham gia 01 phần, số thứ tự 06 tính từ trên xuống. chị A lĩnh tiền trúng hụi ngày 05-02-2013, kê 370.000 đồng, trúng hụi 11.340.000 đồng, trừ 400.000 đồng tiền hoa hồng, thực lĩnh 10.940.000 đồng, chị đã giao đủ số tiền 10.940.000 đồng cho chị A. Chị A góp 10 lần hụi chết, số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ 08 lần hụi chết, số tiền 8.000.000 đồng.

+ Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, kỳ mở hụi ngày 05-05-2014, kỳ mãn ngày 05-10-2015, gồm 18 phần, 17 thành viên, chị A tham gia 02 phần, số thứ tự 02, 09 tính từ trên xuống.

Phần 1: Chị A lĩnh tiền trúng hụi ngày 05-05-2014, kê 350.000 đồng, trúng hụi 10.500.000 đồng, trừ 400.000 đồng tiền hoa hồng, thực lĩnh 9.650.000 đồng, chị đã giao đủ số tiền 9.650.000 đồng cho chị A. Chị A góp 03 lần hụi chết, số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ 14 lần hụi chết, số tiền 14.000.000 đồng.

Phần 2: Chị A góp 01 lần hụi sống, số tiền 650.000 đồng, Chị A lĩnh tiền trúng hụi ngày 05-6-2014, kê 320.000 đồng, trúng hụi 11.880.000 đồng, trừ 400.000 đồng tiền hoa hồng, thực lĩnh 11.480.000 đồng, chị đã giao đủ số tiền 11.480.000 đồng cho chị A. Chị A góp 02 lần hụi chết, số tiền 2.000.000 đồng, còn nợ lại 14 lần hụi chết, số tiền 14.000.000 đồng.

Ngày 15-02-2015 chị A có viết giấy thừa nhận chị A còn nợ chị 36.000.000 đồng tiền hụi chết.

Từ ngày 18-4-2015 đến tháng 12 năm 2015, chị A có trả cho chị số tiền 7.000.000 đồng, còn nợ 29.000.000 đồng.

Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị A và anh V có nghĩa vụ trả cho chị 29.000.000 đồng tiền hụi chưa góp, không yêu cầu trả tiền lãi.

*Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn – chị Nguyễn Thị A trình bày: Đồng ý với lời trình bày của chị S về hợp đồng góp hụi giữa chị S và chị. Hiện nay chị còn nợ chị S 29.000.000 đồng tiền hụi chết chưa góp.*

Chị đồng ý cùng anh Trần Tấn V đồng ý trả cho chị S 29.000.000 đồng tiền hụi chưa góp, không trả tiền lãi.

*Từ khi thụ lý, Tòa án tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, gửi Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Trần Tấn V không tham gia tố tụng.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử:  
Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của về việc xét xử sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Chị Dương Thị S và chị Nguyễn Thị A thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Trần Tấn V không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa tố tụng theo quy định Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị S đối với chị Nguyễn Thị A, anh Trần Tấn V.

Buộc chị Nguyễn Thị A và anh Trần Tấn V có nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị S số tiền 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng.

Ghi nhận chị Dương Thị S không yêu cầu trả tiền lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Anh V vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Dương Thị S đòi chị Nguyễn Thị A và anh Trần Tấn V 29.000.000 đồng tiền hội chưa góp. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Gái Lờn thừa nhận có nợ chị S 29.000.000 đồng tiền hội chưa góp. Chị A đồng ý cùng anh Tấn V đồng ý trả cho chị S 29.000.000 đồng, không trả tiền lãi suất, thấy rằng:

[3] Chị S có chứng cứ là “Giấy xác nhận nợ” lập ngày 15-02-2015 và “Danh sách hội” của các kỳ mở hội chứng minh cho việc chị A có tham gia hợp đồng góp hội 03 phần hội gồm 02 dây do chị S làm chủ, đã lĩnh tiền trúng hội và không góp đủ tiền hội cho chị S, chị A còn nợ chị S 36.000.000 đồng, đã trả 7.000.000 đồng, hiện nay chị A còn nợ chị S số tiền 29.000.000 đồng. Chị A đồng ý cùng anh Tấn V trả tiền cho chị S.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị S. Buộc chị A và anh Tấn V có nghĩa vụ trả cho chị S số tiền 29.000.000 đồng.

Ghi nhận chị S không yêu cầu trả tiền lãi.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui giữa chị Dương Thị S đối với chị Nguyễn Thị A và anh Trần Tấn V.

2. Buộc chị Nguyễn Thị A và anh Trần Tấn V có nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị S số tiền 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng.

Ghi nhận chị Dương Thị S không yêu cầu trả tiền lãi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Tấn V phải chịu 1.450.000 (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Dương Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Dương Thị S 725.000 (bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016083 ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Thị Ngện**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

